

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/10/2021
Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ- TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Bà Hoàng Thị Minh
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST - HN&GD ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/TB-TA ngày 22/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 12/2021/TB-TA ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).
Trú tại: Tổ 52, KP Bàu Ké, TT T, huyện Đ, tỉnh B.
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).
Trú tại: Tổ 52, KP Bàu Ké, TT T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2021, quá trình làm việc nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2012. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, do anh T không lo làm ăn, chỉ ăn chơi, cờ bạc, vay mượn tiền nhiều người dẫn đến việc họ đến đòi nợ nhiều lần, do đó đến năm 2018 anh T nhiều lần đã bỏ nhà đi dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2018, hiện nay anh T bị bắt tạm giam tại Công an huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông từ tháng 3/2021. Từ đó đến nay vợ chồng không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả. Nay chị H xác định tình cảm dành cho anh T đã thực sự hết. Vì vậy, chị H

yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 người con chung là Trần Hoàng Như Y, sinh ngày 16/9/2013. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Y vì hiện nay cháu Y cũng đang ở với chị H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 anh T có đăng ký kết hôn với chị H; quá trình chung sống anh T thừa nhận có chơi cờ bạc, lờn nhàn nhiều người, do đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 người con chung là Trần Hoàng Như Y, sinh ngày 16/9/2013, nay anh T thống nhất giao con chung là Trần Hoàng Như Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Chị Hoàng Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T. Đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Trần Văn T có nơi cư trú tại: Tổ 52, khu phố Bàu Ké, Thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B. Do đó căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T có đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Hoàng Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành giải quyết vắng mặt chị H, anh T là đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thì giữa chị H và anh T không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, anh T không chăm lo cho gia đình mà đam mê cờ bạc, vay tiền nhiều người để chơi đề, cờ bạc không có khả năng trả do đó họ đến nhà đòi nợ làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng

gay gắt dẫn đến ly thân từ 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai cả. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H, do đó yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có 01 người con chung là Trần Hoàng Như Y, sinh ngày 16/9/2013, hiện tại cháu Y đang sống với chị H. Quá trình thu thập chứng cứ anh T cũng đồng ý giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Y do chị H trực tiếp chăm sóc, hơn nữa cháu Y đã trên 07 tuổi, quá trình làm việc cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ cháu, nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần cũng như tương lai sau này của cháu Y nên xét thấy cần giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đúng nguyện vọng của cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có ý kiến là tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình nộp đơn khởi kiện và thu thập chứng cứ chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung mà đề hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 và 56, 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Như Y, sinh ngày 16/9/2013 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ và gia đình thẩm: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền số 0004697, quyền số 0094 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND TT T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa

